

Thời gian : 15h00 - 31/01/2010

**HỌC KỲ : 3**  
**LẦN THI : 1**

**Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : [khanhdtq@duytan.edu.vn](mailto:khanhdtq@duytan.edu.vn) để điều chỉnh.**

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN               | LỚP     | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP |   |     |     |   |     |   |   |     |     | ĐIỂM TỔNG KẾT |  |
|-----|--------------|-------------------------|---------|------------------------|---|-----|-----|---|-----|---|---|-----|-----|---------------|--|
|     |              |                         |         | A                      | P | Q   | H   | L | M   | I | G | F   | SỐ  | CHỮ           |  |
|     |              |                         |         | 5                      |   | 10  | 10  |   | 20  |   |   | 55  |     |               |  |
| 1   | 122310815    | Văn Tất Lợi             | K12KKT3 | 8                      |   | 7   | 7   |   | 5   |   |   | 5.0 | 5.6 | Năm phẩy Sáu  |  |
| 2   | 122310932    | Phan Hoàng Vy           | K12KKT3 | 8                      |   | 7   | 7   |   | 6   |   |   | 3.5 | 4.9 | Bốn phẩy Chín |  |
| 3   | 121322433    | Văn Phương Anh          | K13KCD1 | 8                      |   | 8.5 | 7.5 |   | 4   |   |   | 8.0 | 7.2 | Bảy phẩy Hai  |  |
| 4   | 131328612    | Ngô Thị Tuấn            | K13KCD6 | 7                      |   | 7   | 5   |   | 7   |   |   | 6.5 | 6.5 | Sáu phẩy Năm  |  |
| 5   | 132320524    | Huỳnh Như Quỳnh         | T14KDN1 | 9                      |   | 6.5 | 7   |   | 6.5 |   |   | 7.5 | 7.2 | Bảy phẩy Hai  |  |
| 6   | 132320751    | Bùi Thị Phương          | T14KDN1 | 9                      |   | 5.5 | 6   |   | 4   |   |   | 6.0 | 5.7 | Năm phẩy Bảy  |  |
| 7   | 132320793    | Đinh Lê Cẩm Thạch       | T14KDN1 | 9                      |   | 6   | 6   |   | 4.5 |   |   | 5.0 | 5.3 | Năm phẩy Ba   |  |
| 8   | 142310373    | Trần Thị Mỹ Dung        | T14KDN1 | 9                      |   | 7   | 8   |   | 6   |   |   | 6.0 | 6.5 | Sáu phẩy Năm  |  |
| 9   | 142310374    | Nguyễn Trung Dũng       | T14KDN1 | 9                      |   | 6   | 7   |   | 7   |   |   | 4.5 | 5.6 | Năm phẩy Sáu  |  |
| 10  | 142310380    | Nguyễn Phước Hải        | T14KDN1 | 9                      |   | 8.5 | 7   |   | 6   |   |   | 7.5 | 7.3 | Bảy phẩy Ba   |  |
| 11  | 142310447    | Nguyễn Thị Kiều Xoa     | T14KDN1 | 9                      |   | 6.5 | 9   |   | 7   |   |   | 7.5 | 7.5 | Bảy phẩy Năm  |  |
| 12  | 142320455    | Nguyễn Thị Ánh          | T14KDN1 | 9                      |   | 9   | 9   |   | 9   |   |   | 8.0 | 8.5 | Tám phẩy Năm  |  |
| 13  | 142320459    | Tào Văn Chính           | T14KDN1 | 10                     |   | 7   | 8   |   | 7   |   |   | 8.5 | 8.1 | Tám phẩy Một  |  |
| 14  | 142320463    | Trần Văn Cường          | T14KDN1 | 10                     |   | 8.5 | 9   |   | 7   |   |   | 9.0 | 8.6 | Tám phẩy Sáu  |  |
| 15  | 142320464    | Trần Ngọc Điềm          | T14KDN1 | 10                     |   | 5.5 | 9   |   | 7.5 |   |   | 9.0 | 8.4 | Tám phẩy Bốn  |  |
| 16  | 142320467    | Lê Thị Thùy Dung        | T14KDN1 | 10                     |   | 8   | 7   |   | 5   |   |   | 8.0 | 7.4 | Bảy phẩy Bốn  |  |
| 17  | 142320471    | Trần Thị Phú Duyên      | T14KDN1 | 8                      |   | 6   | 7   |   | 6.5 |   |   | 8.0 | 7.4 | Bảy phẩy Bốn  |  |
| 18  | 142320480    | Đậu Thị Hằng            | T14KDN1 | 10                     |   | 9   | 8   |   | 7   |   |   | 9.0 | 8.6 | Tám phẩy Sáu  |  |
| 19  | 142320487    | Lê Thị Thu Hiền         | T14KDN1 | 9                      |   | 5.5 | 9   |   | 5   |   |   | 9.0 | 7.9 | Bảy phẩy Chín |  |
| 20  | 142320488    | Nguyễn Thị Minh Hiền    | T14KDN1 | 10                     |   | 7   | 8   |   | 9   |   |   | 7.5 | 7.9 | Bảy phẩy Chín |  |
| 21  | 142320489    | Trần Thị Hiền           | T14KDN1 | 10                     |   | 5   | 10  |   | 7   |   |   | 7.0 | 7.3 | Bảy phẩy Ba   |  |
| 22  | 142320496    | Đặng Thị Hoa            | T14KDN1 | 9                      |   | 6.5 | 6   |   | 5   |   |   | 6.0 | 6.0 | Sáu           |  |
| 23  | 142320499    | Nguyễn Thị Hòa          | T14KDN1 | 10                     |   | 6   | 10  |   | 7   |   |   | 5.0 | 6.3 | Sáu phẩy Ba   |  |
| 24  | 142320502    | Nguyễn Thị Minh Hồng    | T14KDN1 | 10                     |   | 8.5 | 9   |   | 7   |   |   | 6.0 | 7.0 | Bảy           |  |
| 25  | 142320508    | Dương Thị Thu Hương     | T14KDN1 | 9                      |   | 9   | 7   |   | 5.5 |   |   | 8.0 | 7.6 | Bảy phẩy Sáu  |  |
| 26  | 142320513    | Nguyễn Thị Thương Huyền | T14KDN1 | 10                     |   | 6   | 8   |   | 5   |   |   | 9.0 | 7.9 | Bảy phẩy Chín |  |
| 27  | 142320517    | Nguyễn Thị Minh Kiều    | T14KDN1 | 10                     |   | 8.5 | 9   |   | 8   |   |   | 9.0 | 8.8 | Tám phẩy Tám  |  |
| 28  | 142320518    | Trịnh Thị Kiều          | T14KDN1 | 9                      |   | 8.5 | 9   |   | 7   |   |   | 8.0 | 8.0 | Tám           |  |
| 29  | 142320522    | Lê Thị Ngọc Lan         | T14KDN1 | 9                      |   | 7   | 9   |   | 7.5 |   |   | 4.0 | 5.8 | Năm phẩy Tám  |  |
| 30  | 142320523    | Ngô Thị Lan             | T14KDN1 | 9                      |   | 8.5 | 9   |   | 7   |   |   | 5.0 | 6.4 | Sáu phẩy Bốn  |  |
| 31  | 142320526    | Trịnh Thị Liên          | T14KDN1 | 10                     |   | 6   | 9   |   | 8   |   |   | 7.5 | 7.7 | Bảy phẩy Bảy  |  |
| 32  | 142320527    | Võ Thị Bích Liên        | T14KDN1 | 9                      |   | 5   | 8   |   | 6   |   |   | 6.5 | 6.5 | Sáu phẩy Năm  |  |
| 33  | 142320537    | Đặng Thị Mai            | T14KDN1 | 10                     |   | 7.5 | 8.5 |   | 6.5 |   |   | 7.5 | 7.5 | Bảy phẩy Năm  |  |

Thời gian : 15h00 - 31/01/2010

**HỌC KỲ : 3**  
**LẦN THI : 1**

**Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : [khanhdtq@duytan.edu.vn](mailto:khanhdtq@duytan.edu.vn) để điều chỉnh.**

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | LỚP     | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP |   |     |     |   |     |   |   |     |     | ĐIỂM TỔNG KẾT |  |
|-----|--------------|------------------------|---------|------------------------|---|-----|-----|---|-----|---|---|-----|-----|---------------|--|
|     |              |                        |         | A                      | P | Q   | H   | L | M   | I | G | F   | SỐ  | CHỮ           |  |
|     |              |                        |         | 5                      |   | 10  | 10  |   | 20  |   |   | 55  |     |               |  |
| 34  | 142320542    | Lê Thị Lệ My           | T14KDN1 | 10                     |   | 9   | 8   |   | 7   |   |   | 7.0 | 7.5 | Bảy phẩy Năm  |  |
| 35  | 142320544    | Võ Thị Lệ Mỹ           | T14KDN1 | 10                     |   | 8   | 7   |   | 5.5 |   |   | 6.5 | 6.7 | Sáu phẩy Bảy  |  |
| 36  | 142320549    | Nguyễn Vũ Huyền Nga    | T14KDN1 | 10                     |   | 6.5 | 7   |   | 5.5 |   |   | 5.5 | 6.0 | Sáu           |  |
| 37  | 142320557    | Huỳnh Thụy Ánh Nguyệt  | T14KDN1 | 10                     |   | 7   | 9   |   | 7.5 |   |   | 6.5 | 7.2 | Bảy phẩy Hai  |  |
| 38  | 142320558    | Trần Thị Thanh Nhân    | T14KDN1 | 10                     |   | 7   | 8   |   | 6.5 |   |   | 8.0 | 7.7 | Bảy phẩy Bảy  |  |
| 39  | 142320564    | Nguyễn Thị Nở          | T14KDN1 | 9                      |   | 8   | 6.5 |   | 6   |   |   | 8.0 | 7.5 | Bảy phẩy Năm  |  |
| 40  | 142320567    | Lâm Xuân Phúc          | T14KDN1 | 9                      |   | 5   | 8   |   | 4   |   |   | 7.5 | 6.7 | Sáu phẩy Bảy  |  |
| 41  | 142320569    | Trần Trung Phương      | T14KDN1 | 10                     |   | 5   | 7   |   | 6   |   |   | 5.5 | 5.9 | Năm phẩy Chín |  |
| 42  | 142320576    | Trần Đăng Quân         | T14KDN1 | 10                     |   | 9   | 8   |   | 7   |   |   | 2.5 | 5.0 | Năm           |  |
| 43  | 142320583    | Đặng Thị Sen           | T14KDN1 | 10                     |   | 9   | 8   |   | 6   |   |   | 10  | 8.9 | Tám phẩy Chín |  |
| 44  | 142320585    | Trần Thị Hoàng Sơn     | T14KDN1 | 10                     |   | 6.5 | 8   |   | 6.5 |   |   | 5.0 | 6.0 | Sáu           |  |
| 45  | 142320597    | Nguyễn Thị Thảo        | T14KDN1 | 9                      |   | 5   | 6   |   | 4.5 |   |   | 6.0 | 5.8 | Năm phẩy Tám  |  |
| 46  | 142320608    | Phạm Thị Thanh Thúy    | T14KDN1 | 10                     |   | 7   | 8   |   | 6   |   |   | 2.0 | 4.3 | Bốn phẩy Ba   |  |
| 47  | 142320609    | Phan Thị Thanh Thúy    | T14KDN1 | 9                      |   | 7.5 | 6.5 |   | 5   |   |   | 4.5 | 5.3 | Năm phẩy Ba   |  |
| 48  | 142320611    | Phạm Thị Thanh Thúy    | T14KDN1 | 10                     |   | 6.5 | 6   |   | 4.5 |   |   | 4.0 | 4.9 | Bốn phẩy Chín |  |
| 49  | 142320615    | Ngô Thị Vân Thủy       | T14KDN1 | 9                      |   | 7.5 | 8   |   | 6   |   |   | 2.5 | 4.6 | Bốn phẩy Sáu  |  |
| 50  | 142320619    | Phan Thượng Tình       | T14KDN1 | 9                      |   | 8   | 6   |   | 4   |   |   | 4.5 | 5.1 | Năm phẩy Một  |  |
| 51  | 142320625    | Nguyễn Thị Huyền Trang | T14KDN1 | 9                      |   | 6.5 | 7   |   | 5   |   |   | 5.5 | 5.8 | Năm phẩy Tám  |  |
| 52  | 142320630    | Nguyễn Thị Thùy Trang  | T14KDN1 | 10                     |   | 8   | 9   |   | 7.5 |   |   | 8.0 | 8.1 | Tám phẩy Một  |  |
| 53  | 142320635    | Lê Thị Thu Trinh       | T14KDN1 | 10                     |   | 9   | 9   |   | 7.5 |   |   | 8.0 | 8.2 | Tám phẩy Hai  |  |
| 54  | 142320643    | Lê Thị Hải Vân         | T14KDN1 | 9                      |   | 8   | 9   |   | 8   |   |   | 8.0 | 8.2 | Tám phẩy Hai  |  |
| 55  | 142320646    | Nguyễn Thị Tường Vi    | T14KDN1 | 9                      |   | 7   | 9   |   | 7.5 |   |   | 7.5 | 7.7 | Bảy phẩy Bảy  |  |
| 56  | 142320650    | Lê Thị Hoàng Yên       | T14KDN1 | 9                      |   | 6.5 | 7   |   | 5   |   |   | 6.5 | 6.4 | Sáu phẩy Bốn  |  |
| 57  | 142310361    | Nguyễn Thị Bé          | T14KDN2 | 9                      |   | 7   | 7.5 |   | 4   |   |   | 8.0 | 7.1 | Bảy phẩy Một  |  |
| 58  | 142320450    | Lê Văn An              | T14KDN2 | 10                     |   | 6   | 6.5 |   | 5   |   |   | 7.5 | 6.9 | Sáu phẩy Chín |  |
| 59  | 142320452    | Mai Thị Kim Anh        | T14KDN2 | 9                      |   | 7.5 | 6   |   | 4.5 |   |   | 6.0 | 6.0 | Sáu           |  |
| 60  | 142320456    | Đỗ Dương Bích Hằng     | T14KDN2 | 8                      |   | 7   | 6   |   | 4   |   |   | 6.5 | 6.1 | Sáu phẩy Một  |  |
| 61  | 142320460    | Huỳnh Thị Mỹ Chung     | T14KDN2 | 9                      |   | 8.5 | 7   |   | 9   |   |   | 7.5 | 7.9 | Bảy phẩy Chín |  |
| 62  | 142320468    | Lê Thị Dung            | T14KDN2 | 10                     |   | 8.5 | 7   |   | 4.5 |   |   | 7.5 | 7.1 | Bảy phẩy Một  |  |
| 63  | 142320472    | Hồ Thị Duyên           | T14KDN2 | 10                     |   | 5.5 | 7   |   | 5   |   |   | 8.0 | 7.2 | Bảy phẩy Hai  |  |
| 64  | 142320473    | Vũ Hương Giang         | T14KDN2 | 9                      |   | 7.5 | 7.5 |   | 6   |   |   | 5.5 | 6.2 | Sáu phẩy Hai  |  |
| 65  | 142320477    | Nguyễn Thị Khánh Hạ    | T14KDN2 | 8                      |   | 9   | 7.5 |   | 9   |   |   | 5.0 | 6.6 | Sáu phẩy Sáu  |  |
| 66  | 142320481    | Nguyễn Thị Hằng        | T14KDN2 | 10                     |   | 9   | 8   |   | 8   |   |   | 8.0 | 8.2 | Tám phẩy Hai  |  |

Thời gian : 15h00 - 31/01/2010

**HỌC KỲ : 3**  
**LẦN THI : 1**

**Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : [khanhdtq@duytan.edu.vn](mailto:khanhdtq@duytan.edu.vn) để điều chỉnh.**

| STT | MÃ<br>SINH VIÊN | HỌ VÀ            | TÊN    | LỚP     | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP |   |     |     |   |     |   |   | ĐIỂM<br>TỔNG KẾT |     |               |
|-----|-----------------|------------------|--------|---------|------------------------|---|-----|-----|---|-----|---|---|------------------|-----|---------------|
|     |                 |                  |        |         | A                      | P | Q   | H   | L | M   | I | G | F                | SỐ  | CHỮ           |
|     |                 |                  |        |         | 5                      |   | 10  | 10  |   | 20  |   |   | 55               |     |               |
| 67  | 142320484       | Trịnh Thị        | Hạnh   | T14KDN2 | 10                     |   | 6.5 | 7   |   | 5.5 |   |   | 6.0              | 6.3 | Sáu phẩy Ba   |
| 68  | 142320485       | Phạm Thị Khánh   | Hạnh   | T14KDN2 | 10                     |   | 7.5 | 9   |   | 7   |   |   | 5.5              | 6.6 | Sáu phẩy Sáu  |
| 69  | 142320492       | Vũ Thị           | Hiếu   | T14KDN2 | 9                      |   | 8.5 | 7.5 |   | 6   |   |   | 5.5              | 6.3 | Sáu phẩy Ba   |
| 70  | 142320500       | Nguyễn Thị       | Hòa    | T14KDN2 | 10                     |   | 7.5 | 8   |   | 7   |   |   | 5.5              | 6.5 | Sáu phẩy Năm  |
| 71  | 142320504       | Lê Thị           | Huệ    | T14KDN2 | 9                      |   | 8   | 6   |   | 4   |   |   | 6.0              | 6.0 | Sáu           |
| 72  | 142320505       | Nguyễn Thị Thanh | Huệ    | T14KDN2 | 10                     |   | 5   | 8   |   | 8   |   |   | 7.0              | 7.3 | Bảy phẩy Ba   |
| 73  | 142320509       | Nguyễn Thị Thanh | Hương  | T14KDN2 | 8                      |   | 7   | 8   |   | 7   |   |   | 6.5              | 6.9 | Sáu phẩy Chín |
| 74  | 142320514       | Nguyễn Đình      | Khanh  | T14KDN2 | 8                      |   | 6.5 | 7   |   | 6   |   |   | 6.0              | 6.3 | Sáu phẩy Ba   |
| 75  | 142320520       | Phan Thanh       | Lâm    | T14KDN2 | 9                      |   | 6.5 | 6   |   | 5   |   |   | 5.0              | 5.5 | Năm phẩy Năm  |
| 76  | 142320521       | Phan Thị         | Lan    | T14KDN2 | 10                     |   | 6.5 | 6   |   | 4   |   |   | 5.0              | 5.3 | Năm phẩy Ba   |
| 77  | 142320524       | Nguyễn Thị Mai   | Lan    | T14KDN2 | 8                      |   | 7   | 7   |   | 5   |   |   | 6.5              | 6.4 | Sáu phẩy Bốn  |
| 78  | 142320528       | Võ Thị Bích      | Loan   | T14KDN2 | 10                     |   | 9   | 8   |   | 7   |   |   | 7.0              | 7.5 | Bảy phẩy Năm  |
| 79  | 142320534       | Hoàng Thị        | Lương  | T14KDN2 | 10                     |   | 9   | 9   |   | 9   |   |   | 7.5              | 8.2 | Tám phẩy Hai  |
| 80  | 142320538       | Võ Thị Hòa       | Mi     | T14KDN2 | 9                      |   | 7   | 8.5 |   | 7.5 |   |   | 6.5              | 7.1 | Bảy phẩy Một  |
| 81  | 142320540       | Hoàng Văn        | Mùi    | T14KDN2 | 9                      |   | 8   | 7   |   | 5   |   |   | 4.0              | 5.2 | Năm phẩy Hai  |
| 82  | 142320545       | Nguyễn Hữu       | Mỹ     | T14KDN2 | 9                      |   | 8.5 | 6   |   | 4   |   |   | 4.5              | 5.2 | Năm phẩy Hai  |
| 83  | 142320551       | Huỳnh Thị Thu    | Nga    | T14KDN2 | 10                     |   | 9   | 9   |   | 7.5 |   |   | 8.0              | 8.2 | Tám phẩy Hai  |
| 84  | 142320559       | Nguyễn Thị Thành | Nhân   | T14KDN2 | 10                     |   | 7   | 8   |   | 6.5 |   |   | 4.5              | 5.8 | Năm phẩy Tám  |
| 85  | 142320560       | Nguyễn Thị Vỹ    | Nhân   | T14KDN2 | 10                     |   | 9   | 8   |   | 7   |   |   | 6.5              | 7.2 | Bảy phẩy Hai  |
| 86  | 142320566       | Mạc Thị Hoàng    | Oanh   | T14KDN2 | 9                      |   | 9   | 8   |   | 7   |   |   | 7.0              | 7.4 | Bảy phẩy Bốn  |
| 87  | 142320570       | Lê Thị Lan       | Phương | T14KDN2 | 10                     |   | 6.5 | 6   |   | 4.5 |   |   | 5.5              | 5.7 | Năm phẩy Bảy  |
| 88  | 142320571       | Trần Thị Hoài    | Phương | T14KDN2 | 9                      |   | 7   | 8   |   | 6   |   |   | 5.5              | 6.2 | Sáu phẩy Hai  |
| 89  | 142320573       | Thái Thị Thảo    | Phương | T14KDN2 | 9                      |   | 6   | 7   |   | 5   |   |   | 5.0              | 5.5 | Năm phẩy Năm  |
| 90  | 142320578       | Nguyễn Thị Hiền  | Quý    | T14KDN2 | 9                      |   | 7.5 | 6   |   | 4   |   |   | 7.0              | 6.5 | Sáu phẩy Năm  |
| 91  | 142320584       | Bùi Thị          | Soạn   | T14KDN2 | 8                      |   | 9   | 7   |   | 5.5 |   |   | 6.5              | 6.7 | Sáu phẩy Bảy  |
| 92  | 142320589       | Võ Thị           | Thắm   | T14KDN2 | 10                     |   | 6   | 7.5 |   | 6.5 |   |   | 8.0              | 7.6 | Bảy phẩy Sáu  |
| 93  | 142320590       | Nguyễn Thị       | Thắng  | T14KDN2 | 10                     |   | 8.5 | 9   |   | 7   |   |   | 7.0              | 7.5 | Bảy phẩy Năm  |
| 94  | 142320591       | Lê Thị Hoài      | Thanh  | T14KDN2 | 10                     |   | 6   | 7   |   | 5.5 |   |   | 8.0              | 7.3 | Bảy phẩy Ba   |
| 95  | 142320592       | Phạm Thị Phương  | Thanh  | T14KDN2 | 10                     |   | 7.5 | 9   |   | 8.5 |   |   | 8.0              | 8.3 | Tám phẩy Ba   |
| 96  | 142320601       | Đặng Thị Mai     | Thảo   | T14KDN2 | 8                      |   | 6.5 | 5   |   | 2   |   | P | P                | P   | Nợ HP         |
| 97  | 142320602       | Bùi Long         | Thi    | T14KDN2 | 10                     |   | 7   | 5   |   | 5   |   |   | 5.5              | 5.7 | Năm phẩy Bảy  |
| 98  | 142320612       | Cao Thị          | Thùy   | T14KDN2 | 10                     |   | 9   | 6   |   | 4   |   |   | 5.0              | 5.6 | Năm phẩy Sáu  |
| 99  | 142320616       | Nguyễn Thị Thu   | Thủy   | T14KDN2 | 9                      |   | 5.5 | 7   |   | 5.5 |   |   | 7.5              | 6.9 | Sáu phẩy Chín |

Thời gian : 15h00 - 31/01/2010

**HỌC KỲ : 3**  
**LẦN THI : 1**

**Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : [khanhdtq@duytan.edu.vn](mailto:khanhdtq@duytan.edu.vn) để điều chỉnh.**

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN        | LỚP    | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP |    |    |     |     |    |     |   |    |     | ĐIỂM TỔNG KẾT |               |
|-----|--------------|------------------|--------|------------------------|----|----|-----|-----|----|-----|---|----|-----|---------------|---------------|
|     |              |                  |        | A                      | P  | Q  | H   | L   | M  | I   | G | F  | SỐ  | CHỮ           |               |
|     |              |                  |        | 5                      |    | 10 | 10  |     | 20 |     |   | 55 |     |               |               |
| 100 | 142320620    | Dư Thị An        | Toàn   | T14KDN2                | 10 |    | 9   | 6   |    | 4   |   |    | 5.5 | 5.8           | Năm phẩy Tám  |
| 101 | 142320623    | Hồ Thương        | Trần   | T14KDN2                | 9  |    | 7   | 9   |    | 7   |   |    | 4.3 | 5.8           | Năm phẩy Tám  |
| 102 | 142320631    | Nguyễn Thị Huyền | Trang  | T14KDN2                | 9  |    | 6   | 7   |    | 5   |   |    | 4.0 | 5.0           | Năm           |
| 103 | 142320636    | Nguyễn Thị Thanh | Tú     | T14KDN2                | 10 |    | 9   | 8.5 |    | 9.5 |   |    | 8.0 | 8.6           | Tám phẩy Sáu  |
| 104 | 142320639    | Nguyễn Thị Oánh  | Tuyết  | T14KDN2                | 10 |    | 9   | 10  |    | 9   |   |    | 5.0 | 7.0           | Bảy           |
| 105 | 142320640    | Khương Thị       | Ty     | T14KDN2                | 10 |    | 6.5 | 6   |    | 4   |   |    | 7.0 | 6.4           | Sáu phẩy Bốn  |
| 106 | 142320644    | Trương Thị Ái    | Vân    | T14KDN2                | 10 |    | 6.5 | 8   |    | 7.5 |   |    | 7.5 | 7.6           | Bảy phẩy Sáu  |
| 107 | 142320651    | Lâm Thị Hoàng    | Yến    | T14KDN2                | 9  |    | 7   | 8.5 |    | 7   |   |    | 2.0 | 4.5           | Bốn phẩy Năm  |
| 108 | 142320892    | Đinh Thị         | Hương  | T14KDN2                | 9  |    | 6   | 7   |    | 5   |   |    | P   | P             | Nợ HP         |
| 109 | 132320713    | Phạm Thị Kim     | Nguyệt | T14KDN3                | 7  |    | 5   | 8   |    | 7   |   |    | 3.0 | 4.7           | Bốn phẩy Bảy  |
| 110 | 142320453    | Hồ Thị Lan       | Anh    | T14KDN3                | 10 |    | 6   | 9   |    | 9   |   |    | 3.5 | 5.7           | Năm phẩy Bảy  |
| 111 | 142320461    | Phan Thị Kim     | Cúc    | T14KDN3                | 3  |    | 8   | 7   |    | 5   |   |    | 3.3 | 4.5           | Bốn phẩy Năm  |
| 112 | 142320465    | Trần Thị Ngọc    | Diệp   | T14KDN3                | 7  |    | 6   | 7   |    | 7   |   |    | 6.5 | 6.6           | Sáu phẩy Sáu  |
| 113 | 142320469    | Lê Kim           | Dung   | T14KDN3                | 10 |    | 8.5 | 9   |    | 8   |   |    | 7.5 | 8.0           | Tám           |
| 114 | 142320474    | Trần Đình        | Hà     | T14KDN3                | 10 |    | 8.5 | 9   |    | 8.5 |   |    | 7.5 | 8.1           | Tám phẩy Một  |
| 115 | 142320478    | Nguyễn Minh      | Hải    | T14KDN3                | 7  |    | 7.5 | 9   |    | 8   |   |    | 5.0 | 6.4           | Sáu phẩy Bốn  |
| 116 | 142320479    | Võ Doãn          | Hải    | T14KDN3                | 10 |    | 7   | 9   |    | 8   |   |    | 5.0 | 6.5           | Sáu phẩy Năm  |
| 117 | 142320482    | Nguyễn Thị Thanh | Hằng   | T14KDN3                | 5  |    | 5   | 7   |    | 5   |   |    | 4.5 | 4.9           | Bốn phẩy Chín |
| 118 | 142320494    | Phan Thị         | Hoa    | T14KDN3                | 10 |    | 8.5 | 8   |    | 7.5 |   |    | 4.8 | 6.3           | Sáu phẩy Ba   |
| 119 | 142320495    | Nguyễn Thị       | Hoa    | T14KDN3                | 7  |    | 5   | 7   |    | 7   |   |    | 5.0 | 5.7           | Năm phẩy Bảy  |
| 120 | 142320506    | Lê Văn           | Hùng   | T14KDN3                | 9  |    | 8   | 8   |    | 7   |   |    | P   | P             | Nợ HP         |
| 121 | 142320510    | Nguyễn Thị       | Hường  | T14KDN3                | 5  |    | 6.5 | 7   |    | 8   |   |    | V   | V             | Vắng          |
| 122 | 142320511    | Nguyễn Xuân      | Hữu    | T14KDN3                | 2  |    | 5   | 7   |    | 6   |   |    | 8.5 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |
| 123 | 142320515    | Nguyễn Đăng      | Khôi   | T14KDN3                | 5  |    | 9   | 7   |    | 3   |   |    | 6.0 | 5.8           | Năm phẩy Tám  |
| 124 | 142320519    | Phạm Thị         | Kiều   | T14KDN3                | 10 |    | 6   | 8   |    | 8   |   |    | 6.0 | 6.8           | Sáu phẩy Tám  |
| 125 | 142320525    | Nguyễn Thị       | Lan    | T14KDN3                | 7  |    | 9   | 7   |    | 7.5 |   |    | 5.0 | 6.2           | Sáu phẩy Hai  |
| 126 | 142320530    | Nguyễn Thị Xuân  | Lộc    | T14KDN3                | 10 |    | 9   | 9   |    | 8.5 |   |    | 7.3 | 8.0           | Tám           |
| 127 | 142320535    | Nguyễn Thị       | Lý     | T14KDN3                | 9  |    | 8   | 9   |    | 8   |   |    | 6.5 | 7.3           | Bảy phẩy Ba   |
| 128 | 142320553    | Từ Thị           | Nghĩa  | T14KDN3                | 9  |    | 9.5 | 9   |    | 8.5 |   |    | 6.5 | 7.6           | Bảy phẩy Sáu  |
| 129 | 142320555    | Ngô Thị Thanh    | Ngọc   | T14KDN3                | 10 |    | 5   | 8   |    | 9   |   |    | 6.5 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |
| 130 | 142320556    | Đoàn Thái        | Nguyên | T14KDN3                | 9  |    | 5   | 8   |    | 7   |   |    | 5.5 | 6.2           | Sáu phẩy Hai  |
| 131 | 142320561    | Lê Thị Mỹ        | Nhung  | T14KDN3                | 9  |    | 7   | 9   |    | 7.5 |   |    | 6.3 | 7.0           | Bảy           |
| 132 | 142320562    | Nguyễn Thị Cẩm   | Nhung  | T14KDN3                | 9  |    | 8.5 | 9   |    | 9   |   |    | 9.5 | 9.2           | Chín phẩy Hai |

Thời gian : 15h00 - 31/01/2010

**HỌC KỲ : 3**  
**LẦN THI : 1**

**Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : [khanhdtq@duytan.edu.vn](mailto:khanhdtq@duytan.edu.vn) để điều chỉnh.**

| STT | MÃ<br>SINH VIÊN | HỌ VÀ            | TÊN    | LỚP     | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP |   |     |    |   |     |   |   |     | ĐIỂM<br>TỔNG KẾT |               |
|-----|-----------------|------------------|--------|---------|------------------------|---|-----|----|---|-----|---|---|-----|------------------|---------------|
|     |                 |                  |        |         | A                      | P | Q   | H  | L | M   | I | G | F   | SỐ               | CHỮ           |
|     |                 |                  |        |         | 5                      |   | 10  | 10 |   | 20  |   |   | 55  |                  |               |
| 133 | 142320572       | Trần Lan         | Phương | T14KDN3 | 9                      |   | 8   | 8  |   | 9   |   |   | 8.5 | 8.5              | Tám phẩy Năm  |
| 134 | 142320574       | Mai Thị          | Phượng | T14KDN3 | 9                      |   | 6   | 8  |   | 6   |   |   | 6.0 | 6.4              | Sáu phẩy Bốn  |
| 135 | 142320577       | Nguyễn Thị       | Quế    | T14KDN3 | 5                      |   | 9.5 | 7  |   | 6.5 |   |   | 5.0 | 6.0              | Sáu           |
| 136 | 142320580       | Nguyễn Thị Nhật  | Quỳnh  | T14KDN3 | 7                      |   | 8   | 8  |   | 8.5 |   |   | 6.5 | 7.2              | Bảy phẩy Hai  |
| 137 | 142320581       | Phan Trần Hạ     | Sang   | T14KDN3 | 9                      |   | 8.5 | 8  |   | 9   |   |   | 6.0 | 7.2              | Bảy phẩy Hai  |
| 138 | 142320587       | Phạm Hồng        | Thái   | T14KDN3 | 4                      |   | 5   | 6  |   | 6   |   |   | 6.5 | 6.1              | Sáu phẩy Một  |
| 139 | 142320588       | Bùi Thị Hồng     | Thắm   | T14KDN3 | 5                      |   | 5   | 6  |   | 7   |   |   | 6.0 | 6.1              | Sáu phẩy Một  |
| 140 | 142320595       | Đào Thị          | Thảo   | T14KDN3 | 9                      |   | 5   | 8  |   | 8   |   |   | 5.0 | 6.1              | Sáu phẩy Một  |
| 141 | 142320599       | Võ Thị Bích      | Thảo   | T14KDN3 | 9                      |   | 9   | 8  |   | 9   |   |   | 4.0 | 6.2              | Sáu phẩy Hai  |
| 142 | 142320606       | Nguyễn Thị       | Thương | T14KDN3 | 9                      |   | 9   | 8  |   | 8   |   |   | 7.7 | 8.0              | Tám           |
| 143 | 142320617       | Lê Thị           | Thủy   | T14KDN3 | 5                      |   | 8.5 | 6  |   | 7   |   |   | 6.5 | 6.7              | Sáu phẩy Bảy  |
| 144 | 142320622       | Phạm Thị Thùy    | Trâm   | T14KDN3 | 9                      |   | 8   | 9  |   | 9   |   |   | 7.8 | 8.2              | Tám phẩy Hai  |
| 145 | 142320628       | Vũ Thị           | Trang  | T14KDN3 | 9                      |   | 8.5 | 9  |   | 9   |   |   | 7.0 | 7.9              | Bảy phẩy Chín |
| 146 | 142320632       | Nguyễn Thị Hoài  | Trang  | T14KDN3 | 4                      |   | 8.5 | 7  |   | 8   |   |   | 7.0 | 7.2              | Bảy phẩy Hai  |
| 147 | 142320637       | Phan Thị         | Tuyết  | T14KDN3 | 9                      |   | 8.5 | 8  |   | 8   |   |   | 6.0 | 7.0              | Bảy           |
| 148 | 142320647       | Đào Nguyễn Minh  | Vũ     | T14KDN3 | 0                      |   | 5   | 5  |   | 7   |   |   | 6.5 | 6.0              | Sáu           |
| 149 | 142320895       | Nguyễn Thị Thanh | Nga    | T14KDN3 | 10                     |   | 9   | 9  |   | 7.5 |   |   | 6.0 | 7.1              | Bảy phẩy Một  |
| 150 | 142310359       | Nguyễn Thị Hà    | Anh    | T14KDN4 | 5                      |   | 6.5 | 7  |   | 7.5 |   |   | 6.5 | 6.7              | Sáu phẩy Bảy  |
| 151 | 142310360       | Thái Thị Hồng    | Ánh    | T14KDN4 | 10                     |   | 8   | 9  |   | 9   |   |   | 6.0 | 7.3              | Bảy phẩy Ba   |
| 152 | 142310376       | Nguyễn Thị       | Hà     | T14KDN4 | 5                      |   | 9   | 7  |   | 8   |   |   | 6.5 | 7.0              | Bảy           |
| 153 | 142310417       | Nguyễn Kim       | Quang  | T14KDN4 | 9                      |   | 7   | 8  |   | 7.5 |   |   | 6.5 | 7.0              | Bảy           |
| 154 | 142320454       | Phạm Thị Kim     | Anh    | T14KDN4 | 10                     |   | 9   | 9  |   | 9   |   |   | 6.8 | 7.8              | Bảy phẩy Tám  |
| 155 | 142320458       | Phạm Thị Kim     | Chi    | T14KDN4 | 9                      |   | 8   | 9  |   | 8.5 |   |   | 6.5 | 7.4              | Bảy phẩy Bốn  |
| 156 | 142320462       | Nguyễn Thị Kim   | Cương  | T14KDN4 | 9                      |   | 7   | 9  |   | 8.5 |   |   | 6.5 | 7.3              | Bảy phẩy Ba   |
| 157 | 142320466       | Phan Thị         | Dung   | T14KDN4 | 10                     |   | 9.5 | 9  |   | 8.5 |   |   | 7.0 | 7.9              | Bảy phẩy Chín |
| 158 | 142320470       | Phan Thị Thùy    | Dương  | T14KDN4 | 10                     |   | 6   | 9  |   | 9   |   |   | 7.0 | 7.7              | Bảy phẩy Bảy  |
| 159 | 142320475       | Đoàn Phương      | Hà     | T14KDN4 | 3                      |   | 5   | 5  |   | 8   |   |   | 8.0 | 7.2              | Bảy phẩy Hai  |
| 160 | 142320483       | Nguyễn Thị Thuý  | Hằng   | T14KDN4 | 7                      |   | 9.5 | 8  |   | 8   |   |   | 8.5 | 8.4              | Tám phẩy Bốn  |
| 161 | 142320490       | Nguyễn Thị       | Hiền   | T14KDN4 | 9                      |   | 7   | 7  |   | 7   |   |   | 8.0 | 7.7              | Bảy phẩy Bảy  |
| 162 | 142320491       | Nguyễn Thị Thu   | Hiền   | T14KDN4 | 10                     |   | 8   | 9  |   | 9   |   |   | 9.0 | 9.0              | Chín          |
| 163 | 142320497       | Lê Thị Bảo       | Hòa    | T14KDN4 | 3                      |   | 5   | 5  |   | 6.5 |   |   | 7.0 | 6.3              | Sáu phẩy Ba   |
| 164 | 142320498       | Lê Thị Thanh     | Hòa    | T14KDN4 | 4                      |   | 5.5 | 5  |   | 7.5 |   |   | 8.5 | 7.4              | Bảy phẩy Bốn  |
| 165 | 142320503       | Nguyễn Lưu Vũ    | Huấn   | T14KDN4 | 9                      |   | 8.5 | 8  |   | 8.5 |   |   | 8.5 | 8.5              | Tám phẩy Năm  |

Thời gian : 15h00 - 31/01/2010

**HỌC KỲ : 3**  
**LẦN THI : 1**

**Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : [khanhdtq@duytan.edu.vn](mailto:khanhdtq@duytan.edu.vn) để điều chỉnh.**

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN         | LỚP    | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP |    |    |     |   |    |     |   |    |     | ĐIỂM TỔNG KẾT |               |
|-----|--------------|-------------------|--------|------------------------|----|----|-----|---|----|-----|---|----|-----|---------------|---------------|
|     |              |                   |        | A                      | P  | Q  | H   | L | M  | I   | G | F  |     |               |               |
|     |              |                   |        | 5                      |    | 10 | 10  |   | 20 |     |   | 55 | SỐ  | CHỮ           |               |
| 166 | 142320507    | Trần Thị Mỹ       | Hương  | T14KDN4                | 9  |    | 5.5 | 7 |    | 7.5 |   |    | 8.5 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |
| 167 | 142320512    | Nguyễn Quốc       | Huy    | T14KDN4                | 3  |    | 8   | 5 |    | 6   |   |    | 7.5 | 6.8           | Sáu phẩy Tám  |
| 168 | 142320516    | Võ Trọng          | Kiên   | T14KDN4                | 10 |    | 8   | 8 |    | 8   |   |    | 8.5 | 8.4           | Tám phẩy Bốn  |
| 169 | 142320531    | Nguyễn Xuân       | Lộc    | T14KDN4                | 10 |    | 8   | 9 |    | 7.5 |   |    | 7.5 | 7.8           | Bảy phẩy Tám  |
| 170 | 142320536    | Cao Thị           | Lý     | T14KDN4                | 9  |    | 7   | 9 |    | 7.5 |   |    | 7.5 | 7.7           | Bảy phẩy Bảy  |
| 171 | 142320541    | Nguyễn Ngọc Sa    | My     | T14KDN4                | 10 |    | 7   | 9 |    | 8.5 |   |    | 6.5 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |
| 172 | 142320543    | Đào Thị Kiều      | Mỹ     | T14KDN4                | 7  |    | 8   | 9 |    | 8.5 |   |    | 7.0 | 7.6           | Bảy phẩy Sáu  |
| 173 | 142320548    | Phạm Thị          | Nga    | T14KDN4                | 10 |    | 8   | 8 |    | 7.5 |   |    | 6.3 | 7.1           | Bảy phẩy Một  |
| 174 | 142320554    | Nguyễn Thị Ái     | Nghĩa  | T14KDN4                | 5  |    | 9.5 | 6 |    | 8.5 |   |    | 7.0 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |
| 175 | 142320563    | Nguyễn Thị        | Nhượng | T14KDN4                | 4  |    | 9   | 6 |    | 8   |   |    | 5.3 | 6.2           | Sáu phẩy Hai  |
| 176 | 142320568    | Nguyễn Thị        | Phượng | T14KDN4                | 10 |    | 9.5 | 9 |    | 7.5 |   |    | 5.5 | 6.9           | Sáu phẩy Chín |
| 177 | 142320575    | Đặng Thị Kim      | Phượng | T14KDN4                | 10 |    | 6   | 9 |    | 8.5 |   |    | 7.5 | 7.8           | Bảy phẩy Tám  |
| 178 | 142320582    | Nguyễn Thị        | Sen    | T14KDN4                | 10 |    | 10  | 9 |    | 9.5 |   |    | 6.8 | 8.0           | Tám           |
| 179 | 142320586    | Nguyễn Thị        | Tâm    | T14KDN4                | 3  |    | 7   | 5 |    | 8   |   |    | 8.0 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |
| 180 | 142320593    | Bùi Nhật          | Thành  | T14KDN4                | 5  |    | 9   | 6 |    | 8   |   |    | 9.5 | 8.6           | Tám phẩy Sáu  |
| 181 | 142320596    | Nguyễn Thị Thu    | Thảo   | T14KDN4                | 5  |    | 8   | 6 |    | 8   |   |    | 7.5 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |
| 182 | 142320600    | Đinh Thị Phương   | Thảo   | T14KDN4                | 7  |    | 6   | 7 |    | 8.5 |   |    | 7.5 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |
| 183 | 142320603    | Huỳnh Thị Ngọc    | Thơ    | T14KDN4                | 9  |    | 7   | 7 |    | 8   |   |    | 7.3 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |
| 184 | 142320605    | Nguyễn Thị        | Thuận  | T14KDN4                | 7  |    | 9.5 | 6 |    | 8.5 |   |    | 7.8 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |
| 185 | 142320607    | Hoàng Thị Thanh   | Thúy   | T14KDN4                | 9  |    | 9   | 8 |    | 8   |   |    | 7.0 | 7.6           | Bảy phẩy Sáu  |
| 186 | 142320614    | Nguyễn Hồng       | Thủy   | T14KDN4                | 5  |    | 9.5 | 7 |    | 8.5 |   |    | 7.0 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |
| 187 | 142320618    | Dương Nguyễn Ngọc | Tín    | T14KDN4                | 5  |    | 5   | 7 |    | 7.5 |   |    | 7.0 | 6.8           | Sáu phẩy Tám  |
| 188 | 142320624    | Võ Thị Thùy       | Trang  | T14KDN4                | 10 |    | 9   | 9 |    | 8   |   |    | 7.0 | 7.8           | Bảy phẩy Tám  |
| 189 | 142320627    | Võ Thị Huyền      | Trang  | T14KDN4                | 10 |    | 8   | 9 |    | 8.5 |   |    | 7.0 | 7.8           | Bảy phẩy Tám  |
| 190 | 142320629    | Phạm Thùy         | Trang  | T14KDN4                | 2  |    | 5   | 5 |    | 7.5 |   |    | 7.3 | 6.6           | Sáu phẩy Sáu  |
| 191 | 142320634    | Nguyễn Thị Tuyết  | Trinh  | T14KDN4                | 3  |    | 5   | 5 |    | 7   |   |    | 7.3 | 6.6           | Sáu phẩy Sáu  |
| 192 | 142320638    | Nguyễn Thị        | Tuyết  | T14KDN4                | 7  |    | 8.5 | 7 |    | 8   |   |    | 7.3 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |
| 193 | 142320642    | Huỳnh Thụy Thục   | Uyên   | T14KDN4                | 2  |    | 5   | 5 |    | 6   |   |    | 7.5 | 6.4           | Sáu phẩy Bốn  |
| 194 | 142320648    | Trần Quốc Hoàng   | Vương  | T14KDN4                | 10 |    | 6   | 8 |    | 8.5 |   |    | 7.0 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |
| 195 | 142320891    | Lê Thị Kim        | Bên    | T14KDN4                | 9  |    | 9   | 8 |    | 7   |   |    | 6.5 | 7.1           | Bảy phẩy Một  |
| 196 | 142320901    | Đào Thị           | Thủy   | T14KDN4                | 9  |    | 9   | 8 |    | 8.5 |   |    | 6.0 | 7.2           | Bảy phẩy Hai  |